

QUYẾT ĐỊNH

**V/v cấp Học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên hệ đại học chính quy
Học kỳ I năm học 2024-2025**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Căn cứ Quyết định số 136/QĐ - TTg ngày 02/8/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Kinh tế và QTKD thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-ĐHKT&QTKD-HĐT ngày 29/4/2021 của Hội đồng Trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị định 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ tờ trình của phòng Kế hoạch - Tài chính về mức trích lập quỹ học bổng KKHT học kỳ I năm học 2024-2025 ngày 10/10/2024 và tờ trình của phòng Công tác HSSV về mức xét cấp học bổng KKHT học kỳ I năm học 2024-2025 ngày 30/9/2024 đã được Hiệu trưởng phê duyệt;

Căn cứ Kết quả học tập và rèn luyện học kỳ II năm học 2023-2024 của sinh viên hệ đại học chính quy;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng xét học bổng và chế độ chính sách cho HSSV, hệ đại học chính quy Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh ngày 18/10/2024 và Kết luận họp báo cáo phản hồi của Hội đồng xét học bổng và chế độ chính sách cho HSSV, hệ đại học chính quy Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh ngày 29/10/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác HSSV.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I năm học 2024 - 2025 cho 290 sinh viên hệ đại học chính quy. Cụ thể như sau:

+ Khoá 18, Khoá 19:

Mức học bổng loại Xuất sắc	1.545.000đ/tháng:	19 sinh viên
Mức học bổng loại Giỏi	1.445.000đ/tháng:	36 sinh viên
Mức học bổng loại Khá	1.345.000đ/tháng:	145 sinh viên

+ Khoá 20:

Mức học bổng loại Xuất sắc	1.520.000đ/tháng:	9 sinh viên
Mức học bổng loại Giỏi	1.420.000đ/tháng:	16 sinh viên
Mức học bổng loại Khá	1.320.000đ/tháng:	65 sinh viên

Tổng số tiền học bổng KKHT cấp trong kỳ là: **1.993.000.000 đ**

(Bằng chữ: Một tỷ chín trăm chín mươi ba triệu đồng chẵn)

(Có danh sách và mức tiền cụ thể kèm theo)

Điều 2. Thời gian cấp học bổng KKHT từ tháng 8/2024 đến hết tháng 12/2024 (5 tháng)

Điều 3. Các Ông/Bà Trưởng phòng Công tác HSSV, phòng Kế hoạch - Tài chính
Trưởng các đơn vị chức năng có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách ở Điều
1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này/.

Nơi nhận:

- BGH (để b/c)
- Như điều 3 (để t/h)
- Lưu VT, CTHSSV



PGS. TS. Đinh Hồng Linh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024 - 2025
KHOA KẾ TOÁN

(Kèm theo Quyết định số 1400/ĐHKT&QTKD-CTSV ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường ĐH Kinh tế và Quản trị kinh doanh)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm RL	Điểm TBCMR	Loại học bổng	Mức HB/tháng (đồng)	Số tháng được hưởng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		I - KHÓA 18										
1	DTE2153403010302	Nguyễn Phương Chi	26/03/2003	K18 - KẾ TOÁN A	4.00	1	5	Xuất sắc	1545000	5	7.725.000	
2	DTE2153403010343	Ma Thị Thanh Trúc	29/11/2003	K18 - KẾ TOÁN D	4.00	0.98	4.98	Xuất sắc	1545000	5	7.725.000	
3	DTE2153403010335	Nguyễn Thị Thu Mai	03/07/2003	K18 - KẾ TOÁN D	4.00	0.97	4.97	Giỏi	1445000	5	7.225.000	
4	DTE2153403010150	Kiều Thị Thu Thảo	29/05/2003	K18 - KẾ TOÁN B	4.00	0.97	4.97	Giỏi	1445000	5	7.225.000	
5	DTE2153403010240	Hoàng Thị Minh Hiếu	10/02/2003	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	4.00	0.96	4.96	Giỏi	1445000	5	7.225.000	
6	DTE2153403010097	Hoàng Thị Quỳnh Nga	14/10/2002	K18 - KẾ TOÁN C	4.00	0.96	4.96	Giỏi	1445000	5	7.225.000	
7	DTE2153403010264	Ngô Thúy Hằng	08/08/2003	K18 - KẾ TOÁN C	4.00	0.96	4.96	Giỏi	1445000	5	7.225.000	
8	DTE2153403010123	Trần Thị Phụng	16/11/2003	K18 - KẾ TOÁN C	4.00	0.96	4.96	Khá	1345000	5	6.725.000	
9	DTE2153403010507	Nguyễn Quỳnh Anh	08/03/2003	K18 - KẾ TOÁN D	4.00	0.96	4.96	Khá	1345000	5	6.725.000	
10	DTE2153403010332	Lương Thúy Linh	18/03/2003	K18 - KẾ TOÁN D	4.00	0.96	4.96	Khá	1345000	5	6.725.000	
11	DTE2153403010372	Lê Thùy Trang	05/06/2003	K18 - KẾ TOÁN D	4.00	0.96	4.96	Khá	1345000	5	6.725.000	
12	DTE2153403010405	Vũ Thị Quỳnh Mai	14/10/2003	K18 - KẾ TOÁN E	4.00	0.9	4.9	Khá	1345000	5	6.725.000	
13	DTE2153403010437	Đỗ Thị Thùy Linh	21/05/2003	K18 - KẾ TOÁN E	4.00	0.9	4.9	Khá	1345000	5	6.725.000	
14	DTE2153403010341	Nông Thị Thuý	04/08/2001	K18 - KẾ TOÁN D	4.00	0.9	4.9	Khá	1345000	5	6.725.000	
15	DTE2153403010482	Hoàng Thị Lương	27/01/2003	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	4.00	0.9	4.9	Khá	1345000	5	6.725.000	
16	DTE2153403010459	Nguyễn Thị Luyến	30/12/2003	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	4.00	0.9	4.9	Khá	1345000	5	6.725.000	
17	DTE2153403010041	Hoàng Thị Thanh Hà	16/06/2003	K18 - KẾ TOÁN A	4.00	0.9	4.9	Khá	1345000	5	6.725.000	
18	DTE2153403010466	Lê Thị Hồng Hoa	27/09/2003	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	4.00	0.9	4.9	Khá	1345000	5	6.725.000	
19	DTE2153403010433	Nguyễn Thị Phương Thanh	02/09/2003	K18 - KẾ TOÁN D	4.00	0.9	4.9	Khá	1345000	5	6.725.000	
20	DTE2153403010443	Nguyễn Mỹ Hạnh	10/01/2002	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	4.00	0.9	4.9	Khá	1345000	5	6.725.000	
21	DTE2153403010353	Đỗ Thị Thảo	20/06/2003	K18 - KẾ TOÁN D	4.00	0.9	4.9	Khá	1345000	5	6.725.000	
22	DTE2153403010344	Đoàn Thanh Vân	04/03/2003	K18 - KẾ TOÁN D	4.00	0.9	4.9	Khá	1345000	5	6.725.000	
23	DTE2153403010395	Dương Thị Thùy	24/11/2003	K18 - KẾ TOÁN E	4.00	0.9	4.9	Khá	1345000	5	6.725.000	
24	DTE2153403010367	Nguyễn Thị Ánh Phụng	27/04/2003	K18 - KẾ TOÁN D	4.00	0.9	4.9	Khá	1345000	5	6.725.000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm RL	Điểm TBCMR	Loại học bổng	Mức HB/tháng (đồng)	Số tháng được hưởng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
25	DTE2153403010376	Dương Phương Thảo	16/06/2003	K18 - KẾ TOÁN E	4.00	0.9	4.9	Khá	1345000	5	6.725.000	
26	DTE2153403010396	Hà Kiều Trang	15/06/2003	K18 - KẾ TOÁN E	4.00	0.9	4.9	Khá	1345000	5	6.725.000	
27	DTE2153403010198	Hà Thị Mỹ Lệ	18/01/2003	K18 - KẾ TOÁN B	4.00	0.9	4.9	Khá	1345000	5	6.725.000	
		Cộng I									186.075.000	
		II - KHÓA 19										
1	DTE2253403010146	Trương Thị Nhung	28/01/2004	K19 - KẾ TOÁN KT A	4.00	0.96	4.96	Xuất sắc	1545000	5	7.725.000	
2	DTE2253403010441	Đặng Chí Kiên	16/07/2001	K19 - KẾ TOÁN C	4.00	0.95	4.95	Xuất sắc	1545000	5	7.725.000	
3	DTE2253403010350	Dương Thị Hoa Mai	19/10/2004	K19 - KẾ TOÁN KT B	3.88	0.99	4.87	Giỏi	1445000	5	7.225.000	
4	DTE2253403010101	Hoàng Thúy Nga	19/07/2004	K19 - KẾ TOÁN KT B	3.88	0.98	4.86	Giỏi	1445000	5	7.225.000	
5	DTE2253403010078	Nguyễn Thùy Dương	22/06/2004	K19 - KẾ TOÁN B	3.88	0.98	4.86	Giỏi	1445000	5	7.225.000	
6	DTE2253403010401	Hoàng Thị Dịu	19/05/2002	K19 - KẾ TOÁN C	3.88	0.97	4.85	Giỏi	1445000	5	7.225.000	
7	DTE2253403010276	Nguyễn Thị Phương Thảo	19/08/2004	K19 - KẾ TOÁN C	3.88	0.95	4.83	Giỏi	1445000	5	7.225.000	8.97
8	DTE2253403010241	Nguyễn Hồng Ngọc	29/08/2004	K19 - KẾ TOÁN KT A	3.88	0.95	4.83	Khá	1345000	5	6.725.000	8.95
9	DTE2253403010191	Đinh Thị Mỹ Hà	10/03/2004	K19 - KẾ TOÁN C	3.88	0.95	4.83	Khá	1345000	5	6.725.000	
10	DTE2253403010446	Nguyễn Hà Chi	09/02/2004	K19 - KẾ TOÁN KT B	3.83	0.95	4.78	Khá	1345000	5	6.725.000	
11	DTE2253403010064	Nguyễn Thị Xuân	22/02/2004	K19 - KẾ TOÁN B	3.81	0.96	4.77	Khá	1345000	5	6.725.000	
12	DTE2253403010197	Đinh Ngọc Minh Hạnh	16/06/2004	K19 - KẾ TOÁN C	3.81	0.95	4.76	Khá	1345000	5	6.725.000	
13	DTE2253403010182	Đỗ Ngọc Chi	24/11/2004	K19 - KẾ TOÁN KT A	3.81	0.95	4.76	Khá	1345000	5	6.725.000	
14	DTE2253403010237	Nguyễn Thị Ngân	09/10/2004	K19 - KẾ TOÁN KT B	3.81	0.95	4.76	Khá	1345000	5	6.725.000	
15	DTE2253403010234	Nguyễn Thanh Nga	26/10/2004	K19 - KẾ TOÁN D	3.81	0.91	4.72	Khá	1345000	5	6.725.000	
16	DTE2253403010282	Nghiêm Thị Thoa	10/02/2004	K19 - KẾ TOÁN KT B	3.75	0.92	4.67	Khá	1345000	5	6.725.000	
17	DTE2253403010036	Lương Thị Ngọc Châm	22/03/2004	K19 - KẾ TOÁN KT B	3.69	0.98	4.70	Khá	1345000	5	6.725.000	
18	DTE2253403010006	Hoàng Anh	13/03/2004	K19 - KẾ TOÁN KT B	3.69	0.98	4.67	Khá	1345000	5	6.725.000	
19	DTE2253403010263	Nguyễn Trần Quốc Quyền	13/04/2004	K19 - KẾ TOÁN D	3.69	0.98	4.67	Khá	1345000	5	6.725.000	
20	DTE2253403010145	Dương Nguyễn Trang Nhung	19/03/2004	K19 - KẾ TOÁN KT A	3.75	0.91	4.66	Khá	1345000	5	6.725.000	
21	DTE2253403010076	Nghiêm Thảo Chi	06/09/2004	K19 - KẾ TOÁN A	3.69	0.96	4.65	Khá	1345000	5	6.725.000	
22	DTE2253403010011	Nguyễn Mai Thương	03/09/2004	K19 - KẾ TOÁN KT A	3.69	0.96	4.65	Khá	1345000	5	6.725.000	
23	DTE2253403010397	Nguyễn Hương Xuân	11/02/2004	K19 - KẾ TOÁN KT B	3.69	0.96	4.65	Khá	1345000	5	6.725.000	
24	DTE2253403010268	Nguyễn Ngọc Quỳnh	02/09/2004	K19 - KẾ TOÁN C	3.69	0.95	4.64	Khá	1345000	5	6.725.000	
		Cộng II									165.900.000	
		III - KHÓA 20										
1	DTE2353403010151	Đỗ Thị Dương Liễu	15/10/2005	K20 - Kế toán 2	4.00	0.99	4.99	Xuất sắc	1520000	5	7.600.000	
2	DTE2353403010031	Tạ Tuấn Anh	04/08/2005	K20 - Kế toán 5	4.00	0.96	4.96	Xuất sắc	1520000	5	7.600.000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm RL	Điểm TBCMR	Loại học bổng	Mức HB/tháng (đồng)	Số tháng được hưởng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
3	DTE2353403010356	Đặng Thị Thương	27/04/2005	K20 - Kế toán 6	4.00	0.95	4.95	Giỏi	1420000	5	7.100.000	
4	DTE2353403010268	Hoàng Phương Thảo	17/04/2005	K20 - Kế toán 1	3.88	0.95	4.83	Giỏi	1420000	5	7.100.000	
5	DTE2353403010060	Nguyễn Hương Giang	23/10/2005	K20 - Kế toán 2	3.81	1	4.81	Giỏi	1420000	5	7.100.000	
6	DTE2353403010300	Bùi Huyền Trang	19/02/2005	K20 - Kế toán 5	3.81	0.99	4.8	Giỏi	1420000	5	7.100.000	
7	DTE2353403010339	Quan Thị Luyến	20/01/2005	K20 - Kế toán 4	3.88	0.9	4.78	Giỏi	1420000	5	7.100.000	
8	DTE2353403010355	Trần Thị Thắm	05/01/2005	K20 - Kế toán 6	3.81	0.96	4.77	Khá	1320000	5	6.600.000	
9	DTE2353403010320	Đỗ Ngọc Yến	08/08/2005	K20 - Kế toán 6	3.88	0.87	4.75	Khá	1320000	5	6.600.000	
10	DTE2353403010114	Nguyễn Thị Huệ	16/07/2005	K20 - Kế toán 1	3.81	0.93	4.74	Khá	1320000	5	6.600.000	
11	DTE2353403010102	Hoàng Thị Hoài	23/09/2005	K20 - Kế toán 1	3.81	0.93	4.74	Khá	1320000	5	6.600.000	
12	DTE2353403010041	Ninh Bá Lý Bằng	17/09/2005	K20 - Kế toán 4	3.81	0.9	4.71	Khá	1320000	5	6.600.000	
13	DTE2353403010080	Nguyễn Hồng Hạnh	04/05/2005	K20 - Kế toán 3	3.81	0.9	4.71	Khá	1320000	5	6.600.000	
14	DTE2353403010053	Nguyễn Thuỳ Dương	30/07/2005	K20 - Kế toán 5	3.69	0.97	4.66	Khá	1320000	5	6.600.000	
15	DTE2353403010294	Trần Huyền Trang	20/05/2005	K20 - Kế toán 1	3.63	1	4.63	Khá	1320000	5	6.600.000	
16	DTE2353403010295	Vũ Quỳnh Trang	27/11/2005	K20 - Kế toán 1	3.69	0.93	4.62	Khá	1320000	5	6.600.000	
17	DTE2353403010040	Nguyễn Thị Phương Anh	10/12/2005	K20 - Kế toán 1	3.69	0.93	4.62	Khá	1320000	5	6.600.000	
18	DTE2353403010331	Lương Phương Hoa	06/10/2005	K20 - Kế toán 1	3.60	1	4.6	Khá	1320000	5	6.600.000	
19	DTE2353403010249	Nguyễn Mai Quỳnh	03/03/2005	K20 - Kế toán 4	3.69	0.9	4.59	Khá	1320000	5	6.600.000	
20	DTE2353403010067	Nông Thị Thu Hà	01/03/2005	K20 - Kế toán 3	3.69	0.9	4.59	Khá	1320000	5	6.600.000	
21	DTE2353403010140	Vũ Thị Thanh Huyền	12/11/2005	K20 - Kế toán 2	3.69	0.89	4.58	Khá	1320000	5	6.600.000	
22	DTE2353403010186	Đỗ Phương Mai	22/03/2005	K20 - Kế toán 2	3.69	0.89	4.58	Khá	1320000	5	6.600.000	
23	DTE2353403010218	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	04/10/2005	K20 - Kế toán 5	3.63	0.94	4.57	Khá	1320000	5	6.600.000	
24	DTE2353403010273	Nguyễn Thị Thuận	09/09/2005	K20 - Kế toán 1	3.63	0.93	4.56	Khá	1320000	5	6.600.000	
25	DTE2353403010010	Đào Phương Thảo	17/02/2005	K20 - Kế toán 1	3.63	0.93	4.56	Khá	1320000	5	6.600.000	
		Cộng III									169.500.000	
		Tổng cộng (I + II + III)									521.475.000	

(Bảng chữ: Năm trăm hai mươi một triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)

K18, K19

Mức 1.545.000đ

4 sinh viên

Mức 1.445.000đ

10 sinh viên

Mức 1.345.000đ

37 sinh viên

Tổng cộng

51 sinh viên

K20

Mức 1.520.000đ

2 sinh viên

Mức 1.420.000đ

5 sinh viên

Mức 1.320.000đ

18 sinh viên

Tổng cộng

25 sinh viên

NGƯỜI LẬP



Phạm Thị Nga

Tổng cộng K18, K19, K20:

76 sinh viên

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024 - 2025
KHOA KINH TẾ

(Kèm theo Quyết định số 1400/ĐHKT&QTKD-CTSV ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường ĐH Kinh tế và Quản trị kinh doanh)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm RL	Điểm TBCMR	Loại học bổng	Mức HB/tháng (đồng)	Số tháng được hưởng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		I - KHÓA 18										
1	DTE2153101040069	Mê Văn Thành	25/01/2002	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ B	4	0.97	4.97	Xuất sắc	1545000	5	7.725.000	
2	DTE2153101040013	Lê Thùy Linh	09/08/2003	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ A	4	0.95	4.95	Giỏi	1445000	5	7.225.000	
3	DTE2153101040057	Nguyễn Thị Thanh Tâm	30/03/2003	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ A	4	0.95	4.95	Khá	1345000	5	6.725.000	
4	DTE2153101050028	Lê Thu Hằng	14/12/2002	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ A	4	0.95	4.95	Khá	1345000	5	6.725.000	
5	DTE2153101040075	Tạ Thanh Mai	16/02/2003	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ A	4	0.93	4.93	Khá	1345000	5	6.725.000	
6	DTE2153101040065	Nguyễn Bích Ngọc	15/12/2003	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ A	4	0.93	4.93	Khá	1345000	5	6.725.000	
7	DTE2153101010038	Phùng Thu Hà	04/12/2003	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ B	4	0.90	4.90	Khá	1345000	5	6.725.000	
8	DTE2153101010035	Phan Ngọc Linh	02/08/2003	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ B	4	0.90	4.90	Khá	1345000	5	6.725.000	
9	DTE2153101010033	Mẫn Thị Duyên	09/12/2003	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ B	4	0.87	4.87	Khá	1345000	5	6.725.000	
		Cộng I									62.025.000	
		II - KHÓA 19										
1	DTE2253101040029	Lưu Phương Linh	20/10/2004	K19 - KINH TẾ ĐẦU TƯ	3.89	1.00	4.89	Xuất sắc	1545000	5	7.725.000	
2	DTE2253101010065	Mai Thị Phương	14/02/2002	K19 - KINH TẾ	3.88	0.91	4.79	Giỏi	1445000	5	7.225.000	
3	DTE2253101040040	Mai Xuân Tuấn	24/06/2001	K19 - KINH TẾ ĐẦU TƯ	3.56	0.96	4.52	Khá	1345000	5	6.725.000	
4	DTE2253101040022	Nguyễn Thị Hải Anh	07/01/2004	K19 - KINH TẾ ĐẦU TƯ	3.52	0.95	4.47	Khá	1345000	5	6.725.000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm RL	Điểm TBCMR	Loại học bổng	Mức HB/tháng (đồng)	Số tháng được hưởng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
5	DTE2253101010075	Nguyễn Thị Thương	06/07/2003	K19 - KINH TẾ	3.5	0.91	4.41	Khá	1345000	5	6.725.000	
6	DTE2253101010013	Tạ Thị Bích Ngọc	16/07/2004	K19 - KINH TẾ	3.44	0.96	4.40	Khá	1345000	5	6.725.000	
7	DTE2253101010027	Dương Thùy Dung	24/06/2004	K19 - KINH TẾ	3.31	0.96	4.27	Khá	1345000	5	6.725.000	8.06
		Cộng II									48.575.000	
		III - KHÓA 20										
1	DTE2353101010059	Lê Huy Dũng	09/12/2005	K20 - Kinh tế	4	0.99	4.99	Xuất sắc	1520000	5	7.600.000	
2	DTE2353101010045	Trần Thị Tuyền	29/11/2005	K20 - Kinh tế	3.88	0.96	4.84	Giỏi	1420000	5	7.100.000	
3	DTE2353101040017	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	21/11/2005	K20 - Kinh tế đầu tư	3.81	0.81	4.62	Khá	1320000	5	6.600.000	
4	DTE2353101040035	Nguyễn Thiện Vui	06/02/2005	K20 - Kinh tế đầu tư	3.69	0.81	4.50	Khá	1320000	5	6.600.000	
5	DTE2353101010037	Ngô Uyên Nhi	03/12/2005	K20 - Kinh tế	3.5	0.95	4.45	Khá	1320000	5	6.600.000	
6	DTE2353101010041	Ma Thị Thu	19/10/2005	K20 - Kinh tế	3.38	0.96	4.34	Khá	1320000	5	6.600.000	
7	DTE2353101010054	Tổng Phương Linh	11/01/2005	K20 - Kinh tế	3.38	0.87	4.25	Khá	1320000	5	6.600.000	
		Cộng III									47.700.000	
		Tổng cộng (I + II + III)									158.300.000	

Bảng chữ: Một trăm năm mươi tám triệu ba trăm ngàn đồng chẵn

K18, K19

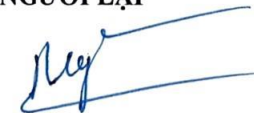
Mức 1.545.000đ	2 sinh viên
Mức 1.445.000đ	2 sinh viên
Mức 1.345.000đ	12 sinh viên
Tổng cộng	16 sinh viên

K20

Mức 1.520.000đ	1 sinh viên
Mức 1.420.000đ	1 sinh viên
Mức 1.320.000đ	5 sinh viên
Tổng cộng	7 sinh viên

Tổng cộng K18, K19, K20: 23 sinh viên

NGƯỜI LẬP



Phạm Thị Nga

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024 - 2025
KHOA MARKETING - THƯƠNG MẠI & DU LỊCH

(Kèm theo Quyết định số 1400/ĐHKT&QTKD-CTSV ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường ĐH Kinh tế và Quản trị kinh doanh)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm RL	Điểm TBCMR	Loại học bổng	Mức HB/tháng (đồng)	Số tháng được hưởng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		I - KHÓA 18										
1	DTE2153401200004	Trần Thị Huyền My	16/12/2002	K18 - KINH DOANH QUỐC TẾ	3.81	0.95	4.76	Xuất sắc	1545000	5	7.725.000	
2	DTE2153401200019	Nguyễn Thị Phương	03/06/2003	K18 - KINH DOANH QUỐC TẾ	3.81	0.9	4.71	Giỏi	1445000	5	7.225.000	
3	DTE2153401200020	Nguyễn Thị Bích Phượng	23/09/2003	K18 - KINH DOANH QUỐC TẾ	3.81	0.9	4.71	Giỏi	1445000	5	7.225.000	
4	DTE2158101030011	Quách Thảo Nguyên	30/06/2003	K18 - QUẢN TRỊ KD KS VÀ DL	3.8	0.9	4.7	Khá	1345000	5	6.725.000	
5	DTE2153401150118	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	28/11/2003	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING B	3.63	0.98	4.61	Khá	1345000	5	6.725.000	
6	DTE2158101030024	Phạm Minh Hiếu	23/10/2003	K18 - QUẢN TRỊ KD KS VÀ DL	3.67	0.91	4.58	Khá	1345000	5	6.725.000	
7	DTE2158101030035	Bùi Xuân Trung	13/07/2003	K18 - QUẢN TRỊ KD KS VÀ DL	3.67	0.9	4.57	Khá	1345000	5	6.725.000	
8	DTE2158101030037	Dương Mỹ Lệ	01/07/2003	K18 - QUẢN TRỊ KD KS VÀ DL	3.67	0.9	4.57	Khá	1345000	5	6.725.000	
9	DTE2153401150083	Đổng Thị Mai	14/11/2003	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING B	3.63	0.92	4.55	Khá	1345000	5	6.725.000	
10	DTE2153401200025	Nguyễn Thị Thu Hoàn	29/10/2003	K18 - KINH DOANH QUỐC TẾ	3.63	0.9	4.53	Khá	1345000	5	6.725.000	
11	DTE2153401150168	Nguyễn Thị Tú Uyên	25/04/2003	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING A	3.63	0.9	4.53	Khá	1345000	5	6.725.000	
12	DTE2158101030004	Hoàng Hiếu	10/06/2003	K18 - QUẢN TRỊ KD KS VÀ DL	3.53	0.99	4.52	Khá	1345000	5	6.725.000	
13	DTE2158101030032	Đỗ Thị Hương Giang	19/06/2003	K18 - QUẢN TRỊ KD KS VÀ DL	3.67	0.8	4.47	Khá	1345000	5	6.725.000	
		Cộng I									89.425.000	
		II - KHÓA 19										
1	DTE2253401150116	Hoàng Huy Hoàng	02/01/2004	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	3.83	1.00	4.83	Xuất sắc	1545000	5	7.725.000	
2	DTE2258101030013	Nguyễn Thị Lan Anh	01/01/2004	K19 - QUẢN TRỊ KD KS & DL	3.83	0.92	4.75	Giỏi	1445000	5	7.225.000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm RL	Điểm TBCMR	Loại học bổng	Mức HB/tháng (đồng)	Số tháng được hưởng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
3	DTE2253401150150	Phạm Thị Thủy	22/11/2004	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	3.69	1.00	4.69	Giỏi	1445000	5	7.225.000	
4	DTE2253401150167	Ma Văn Khải	13/07/2004	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	3.69	0.96	4.65	Giỏi	1445000	5	7.225.000	
5	DTE2253401150122	Trần Thanh Huyền	28/11/2004	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	3.69	0.90	4.59	Khá	1345000	5	6.725.000	
6	DTE2253401150206	Nguyễn Văn Quang	01/06/2004	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING C	3.63	0.95	4.58	Khá	1345000	5	6.725.000	
7	DTE2253401200005	Dương Thành Đạt	24/05/2004	K19 - KINH DOANH QUỐC TẾ	3.63	0.90	4.53	Khá	1345000	5	6.725.000	
8	DTE2253401150157	Huỳnh Thị Quỳnh Anh	18/03/2004	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING A	3.55	0.94	4.49	Khá	1345000	5	6.725.000	
9	DTE2253401150085	Nguyễn Thị Thu Trang	24/10/2004	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	3.5	0.99	4.49	Khá	1345000	5	6.725.000	
10	DTE2253401150154	Nguyễn Thảo Vân	12/09/2004	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING C	3.56	0.91	4.47	Khá	1345000	5	6.725.000	
11	DTE2253401150073	Cao Thị Hương Mai	17/03/2004	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	3.56	0.90	4.46	Khá	1345000	5	6.725.000	
12	DTE2253401150186	Dương Thị Đào	03/03/2004	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING C	3.5	0.95	4.45	Khá	1345000	5	6.725.000	
13	DTE2253401150156	Lê Diệp Anh	14/10/2004	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING A	3.5	0.92	4.42	Khá	1345000	5	6.725.000	
14	DTE2253401150075	Lường Hải Nghĩa	25/01/2004	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	3.44	0.93	4.37	Khá	1345000	5	6.725.000	
15	DTE2253401150124	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	11/08/2004	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING C	3.44	0.92	4.36	Khá	1345000	5	6.725.000	
16	DTE2253401150054	Hà Thị Phụng	06/12/2004	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING A	3.4	0.91	4.31	Khá	1345000	5	6.725.000	
		Cộng II									110.100.000	
		III - KHÓA 20										
1	DTE2353401150035	Đỗ Thị Hương Giang	28/01/2004	K20 - Marketing 1	4	0.94	4.94	Xuất sắc	1520000	5	7.600.000	
2	DTE2353401200019	Đàm Mai Thương	02/09/2005	K20 - Kinh doanh quốc tế	4	0.90	4.90	Xuất sắc	1520000	5	7.600.000	
3	DTE2353401150150	Bàn Thị Thắm	19/02/2004	K20 - Marketing 1	3.81	0.94	4.75	Giỏi	1420000	5	7.100.000	
4	DTE2353401150095	Nguyễn Thị Khánh Linh	05/11/2005	K20 - Marketing 2	3.81	0.93	4.74	Giỏi	1420000	5	7.100.000	
5	DTE2353401150138	Nguyễn Văn Quang	19/02/2004	K20 - Marketing 3	3.74	0.94	4.68	Giỏi	1420000	5	7.100.000	
6	DTE2353401200025	Nguyễn Thị Minh Anh	25/02/2000	K20 - Kinh doanh quốc tế	3.76	0.90	4.66	Khá	1320000	5	6.600.000	
7	DTE2353401150021	Trần Huyền Chi	05/09/2003	K20 - Marketing 3	3.69	0.90	4.59	Khá	1320000	5	6.600.000	
8	DTE2353401150126	Nguyễn Hồng Nhung	22/03/2005	K20 - Marketing 3	3.69	0.90	4.59	Khá	1320000	5	6.600.000	
9	DTE2353401150026	Bàn Văn Chung	20/05/2005	K20 - Marketing 2	3.69	0.90	4.59	Khá	1320000	5	6.600.000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm RL	Điểm TBCMR	Loại học bổng	Mức HB/tháng (đồng)	Số tháng được hưởng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
10	DTE2358101030046	Vàng Thị Út	07/08/2005	K20 - Quản trị Dịch vụ DL& LH	3.63	0.93	4.56	Khá	1320000	5	6.600.000	
11	DTE2358101030005	Nguyễn Thị Thái Hà	20/01/2005	K20 - Quản trị Dịch vụ DL& LH	3.63	0.93	4.56	Khá	1320000	5	6.600.000	
12	DTE2358101030034	Lưu Bích Xuân	29/12/2005	K20 - Quản trị Dịch vụ DL& LH	3.63	0.92	4.55	Khá	1320000	5	6.600.000	
13	DTE2353401150065	Phạm Minh Hoàng	04/10/2005	K20 - Marketing 1	3.56	0.97	4.53	Khá	1320000	5	6.600.000	
14	DTE2353401200028	Lê Thu Phương	11/05/2005	K20 - Kinh doanh quốc tế	3.59	0.90	4.49	Khá	1320000	5	6.600.000	
15	DTE2353401150108	Vũ Thị Mai	13/09/2005	K20 - Marketing 1	3.56	0.92	4.48	Khá	1320000	5	6.600.000	
16	DTE2353401150155	Đông Thị Yến Thanh	16/11/2005	K20 - Marketing 3	3.56	0.90	4.46	Khá	1320000	5	6.600.000	
17	DTE2353401150215	Nguyễn Quỳnh Hoa	06/08/2005	K20 - Marketing 3	3.44	1.00	4.44	Khá	1320000	5	6.600.000	
18	DTE2353401150211	Hoàng Thị Quỳnh Anh	20/08/2005	K20 - Marketing 3	3.5	0.92	4.42	Khá	1320000	5	6.600.000	
		Cộng III									122.300.000	
		Tổng cộng (I + II + III)									321.825.000	

Bảng chữ: Ba trăm hai mươi một triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn đồng chẵn

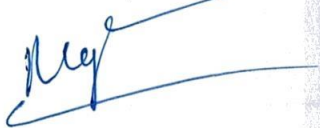
K18, K19

Mức 1.545.000đ	2 sinh viên
Mức 1.445.000đ	5 sinh viên
Mức 1.345.000đ	22 sinh viên
Tổng cộng	29 sinh viên

K20

Mức 1.520.000đ	2 sinh viên
Mức 1.420.000đ	3 sinh viên
Mức 1.320.000đ	13 sinh viên
Tổng cộng	18 sinh viên

NGƯỜI LẬP



Phạm Thị Nga

Tổng cộng K18, K19, K20: 47 sinh viên

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024 - 2025
KHOA NGÂN HÀNG - TÀI CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số 1400/ĐHKT&QTKD-CTSV ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường ĐH Kinh tế và Quản trị kinh doanh)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm RL	Điểm TBCMR	Loại học bổng	Mức HB/tháng (đồng)	Số tháng được hưởng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		I - KHÓA 18										
1	DTE2153402010033	Bùi Thanh Lâm	22/03/2003	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP A	4	1.00	5.00	Xuất sắc	1545000	5	7.725.000	
2	DTE2153402010091	Quản Thị Thảo Vân	21/03/2003	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP B	4	0.99	4.99	Giỏi	1445000	5	7.225.000	
3	DTE2153402010019	Đào Kim Thư	07/09/2003	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP A	4	0.99	4.99	Giỏi	1445000	5	7.225.000	
4	DTE2153402010115	Nguyễn Thị Huyền Trang	06/06/2003	K18 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	4	0.97	4.97	Khá	1345000	5	6.725.000	
5	DTE2153402010087	Lều Thị Phương Thảo	09/11/2003	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP B	4	0.95	4.95	Khá	1345000	5	6.725.000	
6	DTE2153402010089	Nghiêm Minh Tuấn	08/08/2003	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP B	4	0.95	4.95	Khá	1345000	5	6.725.000	
7	DTE2153402010157	Nguyễn Thị Lan Anh	18/11/2003	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP B	4	0.92	4.92	Khá	1345000	5	6.725.000	
8	DTE2153402010103	Đỗ Thị Thảo	30/07/2003	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP B	4	0.92	4.92	Khá	1345000	5	6.725.000	
9	DTE2153402010139	Lê Minh Trang	07/09/2003	K18 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	4	0.92	4.92	Khá	1345000	5	6.725.000	
		Cộng I									62.525.000	
		II - KHÓA 19										
1	DTE2253402010112	Hoàng Hà Nhật Yến	09/02/2004	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG B	3.88	0.93	4.81	Xuất sắc	1545000	5	7.725.000	
2	DTE2253402010085	Lý Thị Ngọc Linh	11/02/2004	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG B	3.67	0.98	4.65	Giỏi	1445000	5	7.225.000	
3	DTE2253402010038	Đỗ Thúy Hường	17/02/2004	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG A	3.69	0.90	4.59	Khá	1345000	5	6.725.000	
4	DTE2253402010052	Triệu Ngọc Minh Anh	19/06/2004	K19 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	3.72	0.75	4.47	Khá	1345000	5	6.725.000	
5	DTE2253402010013	Chu Quang Anh	28/08/2004	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG A	3.5	0.97	4.47	Khá	1345000	5	6.725.000	
6	DTE2253402010078	Dương Thu Hiền	26/03/2004	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG B	3.5	0.95	4.45	Khá	1345000	5	6.725.000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm RL	Điểm TBCMR	Loại học bổng	Mức HB/tháng (đồng)	Số tháng được hưởng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
7	DTE2253402010075	Nguyễn Thị Hằng	28/06/2000	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG B	3.6	0.84	4.44	Khá	1345000	5	6.725.000	
8	DTE2253402010096	Phạm Hữu Phú	07/06/2004	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG B	3.44	0.99	4.43	Khá	1345000	5	6.725.000	
		Cộng II									55.300.000	
		III - KHÓA 20										
1	DTE2353402010133	Nông Thị Tuyết	21/04/2005	K20 - Tài chính - Ngân hàng 2	4	0.90	4.90	Xuất sắc	1520000	5	7.600.000	
2	DTE2353402010097	Hoàng Hoài Thu	27/09/2005	K20 - Tài chính - Ngân hàng 2	3.88	0.98	4.86	Giỏi	1420000	5	7.100.000	
3	DTE2353402010104	Nguyễn Thu Trang	25/07/2005	K20 - Tài chính - Ngân hàng 2	4	0.84	4.84	Giỏi	1420000	5	7.100.000	
4	DTE2353402010107	Tạ Thị Minh Tú	05/08/2005	K20 - Tài chính - Ngân hàng 2	4	0.84	4.84	Khá	1320000	5	6.600.000	
5	DTE2353402010078	Trần Thu Ngọc	23/10/2005	K20 - Tài chính - Ngân hàng 1	4	0.84	4.84	Khá	1320000	5	6.600.000	
6	DTE2353402010039	Nguyễn Bá Thu Hồng	20/12/2005	K20 - Tài chính - Ngân hàng 1	3.88	0.94	4.82	Khá	1320000	5	6.600.000	
7	DTE2353402010105	Nguyễn Lê Quỳnh Trang	11/03/2005	K20 - Tài chính - Ngân hàng 2	3.88	0.84	4.72	Khá	1320000	5	6.600.000	
8	DTE2353402010029	Đặng Thị Thanh Hằng	24/06/2005	K20 - Tài chính - Ngân hàng 1	4	0.70	4.70	Khá	1320000	5	6.600.000	
9	DTE2353402010122	Nguyễn Thanh Lam	06/02/2005	K20 - Tài chính - Ngân hàng 1	3.69	0.98	4.67	Khá	1320000	5	6.600.000	
		Cộng III									61.400.000	
		Tổng cộng (I + II + III)									179.225.000	

Bằng chữ: Một trăm bảy mươi chín triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn

K18, K19

Mức 1.545.000đ

2 sinh viên

Mức 1.445.000đ

3 sinh viên

Mức 1.345.000đ

12 sinh viên

Tổng cộng

17 sinh viên

K20

Mức 1.520.000đ

1 sinh viên

Mức 1.420.000đ

2 sinh viên

Mức 1.320.000đ

6 sinh viên

Tổng cộng

9 sinh viên

NGƯỜI LẬP



Phạm Thị Nga

Tổng cộng K18, K19, K20:

26 sinh viên

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024 - 2025
KHOA QUẢN LÝ - LUẬT KINH TẾ

(Kèm theo Quyết định số 1400/ĐHKT&QTKD-CTSV ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường ĐH Kinh tế và Quản trị kinh doanh)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm RL	Điểm TBCMR	Loại học bổng	Mức HB/tháng (đồng)	Số tháng được hưởng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		I - KHÓA 18										
1	DTE2153801070061	Dương Đình Phú	26/11/2003	K18 - LUẬT KINH TẾ	4	0.97	4.97	Xuất sắc	1545000	5	7.725.000	
2	DTE2153801070070	Hà Trần Minh Hải	01/11/2003	K18 - LUẬT KINH TẾ	4	0.97	4.97	Giỏi	1445000	5	7.225.000	
3	DTE2153404030016	Phạm Hoàng Bảo Ngọc	19/12/2003	K18 - QUẢN LÝ KINH TẾ A	4	0.95	4.95	Giỏi	1445000	5	7.225.000	
4	DTE2153801070081	Đỗ Xuân Tùng	28/10/2003	K18 - LUẬT KINH TẾ	3.81	0.97	4.78	Khá	1345000	5	6.725.000	
5	DTE2153801070074	Lã Thị Thư	09/08/2003	K18 - LUẬT KINH TẾ	3.88	0.87	4.75	Khá	1345000	5	6.725.000	
6	DTE2153404030031	Đỗ Thị Linh	16/08/2003	K18 - QUẢN LÝ KINH TẾ A	3.81	0.93	4.74	Khá	1345000	5	6.725.000	
7	DTE2153404030067	Bùi Hoàng Dương	11/10/2003	K18 - QUẢN LÝ KINH TẾ A	3.81	0.93	4.74	Khá	1345000	5	6.725.000	
8	DTE2153801070085	Dương Trung Hiếu	10/06/2003	K18 - LUẬT KINH TẾ	3.69	1.00	4.69	Khá	1345000	5	6.725.000	
9	DTE2153404030055	Trần Thị Hoàn	14/11/2003	K18 - QUẢN LÝ KINH TẾ A	3.81	0.86	4.67	Khá	1345000	5	6.725.000	
10	DTE2153801070022	Nguyễn Thanh Trà	26/09/2003	K18 - LUẬT KINH TẾ	3.81	0.82	4.63	Khá	1345000	5	6.725.000	
11	DTE2153801070052	Phan Văn Quỳnh	09/11/2003	K18 - LUẬT KINH TẾ	3.63	0.97	4.60	Khá	1345000	5	6.725.000	
		Cộng I									75.975.000	
		II- KHÓA 19										
1	DTE2253801070019	Tạ Thu Hoài	10/12/2004	K19 - LUẬT KINH TẾ	3.88	0.95	4.83	Xuất sắc	1545000	5	7.725.000	
2	DTE2253404030001	Bế Tùng Anh	05/10/2004	K19 - QUẢN LÝ KINH TẾ	3.88	0.92	4.80	Giỏi	1445000	5	7.225.000	
3	DTE2253801070030	Nguyễn Quỳnh Hương	22/04/2004	K19 - LUẬT KINH TẾ	3.88	0.90	4.78	Khá	1345000	5	6.725.000	
4	DTE2253404030009	Phạm Thị Hiền	02/01/2004	K19 - QUẢN LÝ KINH TẾ	3.75	0.91	4.66	Khá	1345000	5	6.725.000	
5	DTE2253801070045	Nguyễn Thị Thùy	20/12/2004	K19 - LUẬT KINH TẾ	3.69	0.83	4.52	Khá	1345000	5	6.725.000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm RL	Điểm TBCMR	Loại học bổng	Mức HB/tháng (đồng)	Số tháng được hưởng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
6	DTE2253801070010	Trần Thu Thủy	24/09/2004	K19 - LUẬT KINH TẾ	3.69	0.82	4.51	Khá	1345000	5	6.725.000	
7	DTE2253404030027	Nguyễn Văn Thuận	29/05/2004	K19 - QUẢN LÝ KINH TẾ	3.69	0.80	4.49	Khá	1345000	5	6.725.000	
8	DTE2253801070026	Phạm Thị Thu Trang	20/09/2004	K19 - LUẬT KINH TẾ	3.5	0.96	4.46	Khá	1345000	5	6.725.000	
		Cộng II									55.300.000	
		III - KHÓA 20										
1	DTE2353801070006	Nguyễn Thị Ngọc Bích	20/01/2005	K20 - Luật kinh tế 1	4	0.90	4.90	Xuất sắc	1520000	5	7.600.000	
2	DTE2353801070025	Nguyễn Ngọc Lan	01/01/2005	K20 - Luật kinh tế 1	3.88	1.00	4.88	Giỏi	1420000	5	7.100.000	
3	DTE2353801070079	Nông Thùy Trang	03/12/2005	K20 - Luật kinh tế 1	3.81	1.00	4.81	Khá	1320000	5	6.600.000	
4	DTE2353801070060	Dương Đình Tú	26/03/2005	K20 - Luật kinh tế 2	3.75	0.95	4.70	Khá	1320000	5	6.600.000	
5	DTE2353801070065	Lê Hồng Đức	14/10/2005	K20 - Luật kinh tế 1	3.88	0.82	4.70	Khá	1320000	5	6.600.000	
6	DTE2353404030032	Nguyễn Phương Linh	10/05/2004	K20 - Quản lý công	3.75	0.90	4.65	Khá	1320000	5	6.600.000	
7	DTE2353801070029	Hà Thảo Ly	18/09/2005	K20 - Luật kinh tế 1	3.69	0.90	4.59	Khá	1320000	5	6.600.000	
8	DTE2353801070009	Nguyễn Thị Phương Chi	01/07/2005	K20 - Luật kinh tế 1	3.69	0.90	4.59	Khá	1320000	5	6.600.000	
		Cộng III									54.300.000	
		Tổng cộng (I + II + III)									185.575.000	

Bảng chữ: Một trăm tám mươi lăm triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn

K18, K19

Mức 1.545.000đ

2 sinh viên

Mức 1.445.000đ

3 sinh viên

Mức 1.345.000đ

14 sinh viên

Tổng cộng

19 sinh viên

K20

Mức 1.520.000đ

1 sinh viên

Mức 1.420.000đ

1 sinh viên

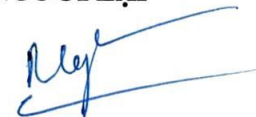
Mức 1.320.000đ

6 sinh viên

Tổng cộng

8 sinh viên

NGƯỜI LẬP



Phạm Thị Nga

Tổng cộng K18, K19, K20:

27 sinh viên

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024 - 2025
KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH

(Kèm theo Quyết định số 1400/ĐHKT&QTKD-CTSV ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường ĐH Kinh tế và Quản trị kinh doanh)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm RL	Điểm TBCMR	Loại học bổng	Mức HB/tháng (đồng)	Số tháng được hưởng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		I - KHÓA 18										
1	DTE2153401010297	Nguyễn Thị Phương Lan	12/02/2003	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D	3.81	1.00	4.81	Xuất sắc	1545000	5	7.725.000	
2	DTE2153401010090	Ngô Thượng Khoa	24/05/2003	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	3.81	0.95	4.76	Xuất sắc	1545000	5	7.725.000	
3	DTE2153401010367	Trần Văn Cường	19/02/2003	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	3.81	0.92	4.73	Giỏi	1445000	5	7.225.000	
4	DTE2155106050038	Trần Thị Hồng Nhung	01/10/2003	K18 - LOGISTICS & QLCCU	3.81	0.91	4.72	Giỏi	1445000	5	7.225.000	
5	DTE2153401010122	Ngô Thị Thùy	01/09/2003	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	3.69	0.94	4.63	Giỏi	1445000	5	7.225.000	
6	DTE2153401010104	Trần Thị An	11/10/2003	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	3.69	0.94	4.63	Giỏi	1445000	5	7.225.000	
7	DTE2153401010214	Nguyễn Ngọc Huyền	27/12/2003	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	3.69	0.92	4.61	Khá	1345000	5	6.725.000	
8	DTE2153401010218	Trần Thị Ngọc Lan	04/02/2003	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	3.69	0.91	4.60	Khá	1345000	5	6.725.000	
9	DTE2153401010049	Trương Văn Linh	29/01/2003	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	3.63	0.93	4.56	Khá	1345000	5	6.725.000	
10	DTE2155106050018	Tạ Thị Cẩm Ly	28/10/2003	K18 - LOGISTICS & QLCCU	3.59	0.97	4.56	Khá	1345000	5	6.725.000	
11	DTE2153401010232	Phạm Thu Hoài	11/03/2003	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	3.58	0.92	4.50	Khá	1345000	5	6.725.000	
12	DTE2153401010290	Hoàng Thị Thương	27/01/2003	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D	3.69	0.80	4.49	Khá	1345000	5	6.725.000	
13	DTE2153401010150	Ngô Đức Sơn	14/09/1998	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	3.63	0.86	4.49	Khá	1345000	5	6.725.000	
14	DTE2153401010304	Đặng Mỹ Duyên	03/10/2003	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D	3.63	0.85	4.48	Khá	1345000	5	6.725.000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm RL	Điểm TBCMR	Loại học bổng	Mức HB/tháng (đồng)	Số tháng được hưởng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
15	DTE2153401010317	Lã Thị Bích Liên	02/04/2003	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	3.56	0.91	4.47	Khá	1345000	5	6.725.000	
16	DTE2153401010148	Trần Quang Hiếu	02/08/2003	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	3.5	0.94	4.44	Khá	1345000	5	6.725.000	
17	DTE2153401010332	Triệu Thị Đào	09/12/2003	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	3.5	0.90	4.40	Khá	1345000	5	6.725.000	
18	DTE2153401010026	Nguyễn Tiến Dũng	21/07/2003	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	3.5	0.90	4.40	Khá	1345000	5	6.725.000	
19	DTE2155106050049	Vũ Thị Hồng	16/02/2003	K18 - LOGISTICS & QLCCU	3.5	0.90	4.40	Khá	1345000	5	6.725.000	
20	DTE2153401010231	Nguyễn Kỳ Duyên	17/11/2003	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	3.38	0.98	4.36	Khá	1345000	5	6.725.000	
21	DTE2155106050009	Nguyễn Thị Phương	17/03/2003	K18 - LOGISTICS & QLCCU	3.48	0.87	4.35	Khá	1345000	5	6.725.000	
		Cộng I									145.225.000	
		II - KHÓA 19										
1	DTE2253401010151	Nguyễn Hoàng Khanh	05/03/2004	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	3.81	0.99	4.80	Xuất sắc	1545000	5	7.725.000	
2	DTE2255106050051	Đặng Tú Anh	13/10/2004	K19 - LOGISTICS & QLCCU	3.81	0.99	4.80	Xuất sắc	1545000	5	7.725.000	
3	DTE2253401010148	Tạ Thị Huyền	05/02/2004	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	4	0.81	4.81	Giỏi	1445000	5	7.225.000	
4	DTE2255106050032	Nguyễn Thị Thu Huyền	30/08/2004	K19 - LOGISTICS & QLCCU	3.81	0.96	4.77	Giỏi	1445000	5	7.225.000	
5	DTE2253401010077	Hoàng Thị Hoàn	26/02/2000	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	3.88	0.81	4.69	Giỏi	1445000	5	7.225.000	
6	DTE2253401010106	Nguyễn Ngọc Mai Anh	02/09/2004	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	3.69	0.99	4.68	Giỏi	1445000	5	7.225.000	
7	DTE2253401010194	Nguyễn Thị Thuận	07/02/2004	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	3.81	0.86	4.67	Khá	1345000	5	6.725.000	
8	DTE2253401010079	Trương Thị Huế	16/03/2004	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	3.81	0.86	4.67	Khá	1345000	5	6.725.000	
9	DTE2253401010123	Quách Việt Hà	13/02/2004	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	3.67	0.99	4.66	Khá	1345000	5	6.725.000	
10	DTE2253401010220	Nguyễn Thị Chi	18/07/2004	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	3.81	0.82	4.63	Khá	1345000	5	6.725.000	
11	DTE2253401010045	Vũ Lan Hương	26/11/2004	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	3.81	0.81	4.62	Khá	1345000	5	6.725.000	
12	DTE2255106050034	Dương Thùy Linh	20/12/2004	K19 - LOGISTICS & QLCCU	3.63	0.95	4.58	Khá	1345000	5	6.725.000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm RL	Điểm TBCMR	Loại học bổng	Mức HB/tháng (đồng)	Số tháng được hưởng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
13	DTE2255106050003	Hoàng Thị Thu Hiền	08/03/2004	K19 - LOGISTICS & QLCCU	3.63	0.95	4.58	Khá	1345000	5	6.725.000	
14	DTE2253401010095	Hoàng Thị Thanh Thảo	03/10/2004	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	3.69	0.88	4.57	Khá	1345000	5	6.725.000	
15	DTE2255106050047	Hoàng Thị Hương Trà	25/01/2004	K19 - LOGISTICS & QLCCU	3.63	0.90	4.53	Khá	1345000	5	6.725.000	
16	DTE2253401010074	Phạm Hải Hậu	05/01/2004	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	3.56	0.90	4.46	Khá	1345000	5	6.725.000	
17	DTE2255106050044	Nguyễn Thị Anh Thư	22/09/2004	K19 - LOGISTICS & QLCCU	3.5	0.95	4.45	Khá	1345000	5	6.725.000	
18	DTE2253401010040	Nguyễn Thị Ánh Dương	04/10/2004	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	3.64	0.80	4.44	Khá	1345000	5	6.725.000	
19	DTE2255106050026	Trần Lệ Hoa	19/12/2004	K19 - LOGISTICS & QLCCU	3.5	0.94	4.44	Khá	1345000	5	6.725.000	
20	DTE2255106050024	Hoàng Thu Hiếu	28/01/2003	K19 - LOGISTICS & QLCCU	3.48	0.96	4.44	Khá	1345000	5	6.725.000	
		Cộng II									138.500.000	
		III - KHÓA 20										
1	DTE2355106050075	Phạm Thị Thùy	14/11/2005	K20 - LOGISTICS & QLCCU2	3.88	0.90	4.78	Xuất sắc	1520000	5	7.600.000	
2	DTE2355106050053	Vũ Hoàng Ngọc	14/09/2005	K20 - LOGISTICS & QLCCU1	3.81	0.91	4.72	Xuất sắc	1520000	5	7.600.000	
3	DTE2355106050045	Lê Thị Trà My	01/07/2005	K20 - LOGISTICS & QLCCU1	4	0.83	4.83	Giỏi	1420000	5	7.100.000	
4	DTE2353401010013	Trần Thị Ngọc Ánh	21/07/2005	K20 - Quản trị Kinh doanh 2	3.88	0.85	4.73	Giỏi	1420000	5	7.100.000	
5	DTE2355106050002	Lê Đức Anh	21/10/2005	K20 - LOGISTICS & QLCCU1	3.81	0.90	4.71	Giỏi	1420000	5	7.100.000	
6	DTE2355106050074	Nguyễn Bảo Thư	30/10/2005	K20 - LOGISTICS & QLCCU2	3.81	0.90	4.71	Giỏi	1420000	5	7.100.000	
7	DTE2353401010063	Đào Thu Hương	07/05/2005	K20 - Quản trị Kinh doanh 2	3.88	0.80	4.68	Khá	1320000	5	6.600.000	
8	DTE2355106050009	Phạm Thái Bình	07/01/2005	K20 - LOGISTICS & QLCCU1	3.81	0.82	4.63	Khá	1320000	5	6.600.000	
9	DTE2355106050060	Nguyễn Thị Anh Phương	01/04/2005	K20 - LOGISTICS & QLCCU2	3.69	0.90	4.59	Khá	1320000	5	6.600.000	
10	DTE2353401010176	Trần Thị Hoa Trà	04/05/2005	K20 - Quản trị Kinh doanh 1	3.69	0.90	4.59	Khá	1320000	5	6.600.000	
11	DTE2353401010075	Đồng Văn Khanh	19/05/2005	K20 - Quản trị Kinh doanh 2	3.69	0.90	4.59	Khá	1320000	5	6.600.000	

CHẤP HÀNH
BẢN CHẤP HÀNH
CHẤP HÀNH



STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm RL	Điểm TBCMR	Loại học bổng	Mức HB/tháng (đồng)	Số tháng được hưởng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
12	DTE2353401010213	Hoàng Văn Thuận	07/07/2005	K20 - Quản trị Kinh doanh 3	3.69	0.86	4.55	Khá	1320000	5	6.600.000	
13	DTE2353401010139	Bàn Thị Thu Phương	23/10/2005	K20 - Quản trị Kinh doanh 2	3.69	0.85	4.54	Khá	1320000	5	6.600.000	
14	DTE2353401010174	Nguyễn Thị Thủy Tiên	18/05/2004	K20 - Quản trị Kinh doanh 3	3.69	0.82	4.51	Khá	1320000	5	6.600.000	
15	DTE2355106050096	Nguyễn Trịnh Ngân Thanh	03/03/2005	K20 - LOGISTICS & QLCCU2	3.56	0.92	4.48	Khá	1320000	5	6.600.000	
16	DTE2353401010095	Trương Thị Phương Loan	12/01/2005	K20 - Quản trị Kinh doanh 1	3.5	0.95	4.45	Khá	1320000	5	6.600.000	
17	DTE2353401010222	Hoàng Thanh Phương	24/11/2005	K20 - Quản trị Kinh doanh 3	3.63	0.81	4.44	Khá	1320000	5	6.600.000	
18	DTE2355106050048	Vũ Ngọc Ngà	20/06/2005	K20 - LOGISTICS & QLCCU1	3.63	0.80	4.43	Khá	1320000	5	6.600.000	
19	DTE2355106050037	Nguyễn Hồng Liên	16/06/2005	K20 - LOGISTICS & QLCCU1	3.63	0.80	4.43	Khá	1320000	5	6.600.000	
20	DTE2355106050084	Nguyễn Thảo Vi	07/08/2005	K20 - LOGISTICS & QLCCU2	3.56	0.87	4.43	Khá	1320000	5	6.600.000	
21	DTE2355106050102	Trần Quang Huy	08/03/2005	K20 - LOGISTICS & QLCCU2	3.56	0.85	4.41	Khá	1320000	5	6.600.000	
22	DTE2353401010108	Bùi Thị Tuyết Mai	02/05/2005	K20 - Quản trị Kinh doanh 2	3.5	0.90	4.40	Khá	1320000	5	6.600.000	
23	DTE2353401010182	Nguyễn Thị Kiều Trang	17/09/2005	K20 - Quản trị Kinh doanh 1	3.5	0.90	4.40	Khá	1320000	5	6.600.000	
		Cộng III									155.800.000	
		Cộng (I + II + III)									439.525.000	

Bảng chữ: Bốn trăm ba mươi chín triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn

K18, K19

Mức 1.545.000đ 4 sinh viên
Mức 1.445.000đ 8 sinh viên
Mức 1.345.000đ 29 sinh viên
Tổng cộng 41 sinh viên

K20

Mức 1.520.000đ 2 sinh viên
Mức 1.420.000đ 4 sinh viên
Mức 1.320.000đ 17 sinh viên
Tổng cộng 23 sinh viên

NGƯỜI LẬP



Phạm Thị Nga

Tổng cộng K18, K19, K20: **64 sinh viên**

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024 - 2025
VIỆN ĐÀO TẠO QUỐC TẾ**

(Kèm theo Quyết định số 1400/ĐHKT&QTKD-CTSV ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường ĐH Kinh tế và Quản trị kinh doanh)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm RL	Điểm TBCMR	Loại học bổng	Mức HB/tháng (đồng)	Số tháng được hưởng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		I - KHÓA 17										
1	DTE2053401010531	Nguyễn Khánh Linh	25/12/2002	K17 - Quản trị KD CLC	4	0.98	4.98	Xuất sắc	1545000	5	7.725.000	
2	DTE2053403010718	Bạch Thị Thanh	10/10/2002	K17 - Kế toán TH CLC	4	0.95	4.95	Giỏi	1445000	5	7.225.000	
3	DTE2053101050040	Đỗ Thị Thu Huyền	18/06/2002	K17 - Quản trị KD CLC	4	0.91	4.91	Giỏi	1445000	5	7.225.000	
4	DTE2153403010347	Đỗ Thùy Dung	28/07/2003	K17 - Kế toán TH CLC	4	0.90	4.90	Khá	1345000	5	6.725.000	
5	DTE2053403010766	Phạm Thùy Dương	16/02/2002	K17 - Kế toán TH CLC	3.8	1.00	4.80	Khá	1345000	5	6.725.000	
6	DTE2058101030197	Đặng Thị Loan	15/09/2002	K17 - Quản trị DL&KS CLC	3.75	0.97	4.72	Khá	1345000	5	6.725.000	
7	DTE2053401010559	Bùi Thị Thùy Dương	08/08/2002	K17 - Quản trị KD CLC	3.75	0.91	4.66	Khá	1345000	5	6.725.000	
8	DTE2058101030204	Hoàng Thị Minh Yến	30/08/2002	K17 - Quản trị DL&KS CLC	3.75	0.86	4.61	Khá	1345000	5	6.725.000	
9	DTE2053403010536	Hà Văn Nam	29/10/2002	K17 - Kế toán TH CLC	3.8	0.81	4.61	Khá	1345000	5	6.725.000	
		Cộng I									62.525.000	
		II - KHÓA 18										
1	DTE2153403010354	Nguyễn Thanh Trang	13/06/2003	K18 - Kế toán TH CLC	4	1.00	5.00	Xuất sắc	1545000	5	7.725.000	
2	DTE2153403010375	Phạm Chi Lan	30/07/2003	K18 - Kế toán TH CLC	4	1.00	5.00	Giỏi	1445000	5	7.225.000	
3	DTE2153403010251	Trần Minh Nguyệt	06/08/2003	K18 - Quản trị DL&KSCLC	4	1.00	5.00	Giỏi	1445000	5	7.225.000	
4	DTE2153403010314	Nguyễn Hương Trà	24/12/2003	K18 - Kế toán TH CLC	4	0.92	4.92	Khá	1345000	5	6.725.000	
5	DTE2153403010446	Lưu Khánh Linh	29/11/2003	K18 - Kế toán TH CLC	4	0.90	4.90	Khá	1345000	5	6.725.000	
6	DTE2153403010357	Hoàng Thu Chang	11/04/2003	K18 - Kế toán TH CLC	4	0.84	4.84	Khá	1345000	5	6.725.000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm RL	Điểm TBCMR	Loại học bổng	Mức HB/tháng (đồng)	Số tháng được hưởng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
7	DTE2258101030049	De Torres Macatangay Princess J	28/04/2004	K18 - Quản trị DL&KSCLC	4	0.83	4.83	Khá	1345000	5	6.725.000	
8	DTE2158101030042	Trần Thị Thúy Vân	08/06/2003	K18 - Quản trị DL&KSCLC	3.75	1.00	4.75	Khá	1345000	5	6.725.000	
9	DTE2153403010515	Trần Thị Thu Hương	23/03/2003	K18 - Kế toán TH CLC	3.75	0.91	4.66	Khá	1345000	5	6.725.000	
10	DTE2153403010329	Nguyễn Thảo Linh	15/05/2003	K18 - Kế toán TH CLC	3.75	0.87	4.62	Khá	1345000	5	6.725.000	
		Cộng II									69.250.000	
		III - KHÓA 19										
1	DTE2253403010025	Nguyễn Thị Thu Phụng	30/01/2004	K19 - Kế toán TH CLC	3.78	0.95	4.73	Xuất sắc	1545000	5	7.725.000	
2	DTE2253403010212	Đào Thu Hương	21/07/2004	K19 - Kế toán TH CLC	3.78	0.93	4.71	Giỏi	1445000	5	7.225.000	
3	DTE2253403010107	Nguyễn Thị Minh Quý	12/07/2004	K19 - Kế toán TH CLC	3.78	0.93	4.71	Khá	1345000	5	6.725.000	
4	DTE2253403010408	Nguyễn Thị Ngọc	12/05/2003	K19 - Kế toán TH CLC	3.78	0.82	4.60	Khá	1345000	5	6.725.000	
5	DTE2253403010042	Nguyễn Thị Thanh Hiền	25/12/2004	K19 - Kế toán TH CLC	3.56	1.00	4.56	Khá	1345000	5	6.725.000	
6	DTE2253403010039	Nguyễn Thùy Dương	04/10/2004	K19 - Kế toán TH CLC	3.56	1.00	4.56	Khá	1345000	5	6.725.000	
7	DTE2253401010239	Hoàng Trung Nghĩa	26/09/2004	K19 Quản trị KD CLC	3.56	1.00	4.56	Khá	1345000	5	6.725.000	
8	DTE2253401010244	Trần Thị Thủy	01/03/2004	K19 Quản trị KD CLC	3.56	0.97	4.53	Khá	1345000	5	6.725.000	
		Cộng III									55.300.000	
		Tổng cộng (I + II + III)									187.075.000	

Bảng chữ: Một trăm tám mươi bảy triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn

Mức 1.545.000đ

3 sinh viên

Mức 1.445.000đ

5 sinh viên

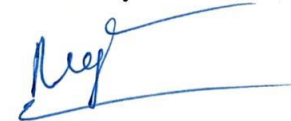
Mức 1.345.000đ

19 sinh viên

Tổng cộng

27 sinh viên

NGƯỜI LẬP



Phạm Thị Nga